

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2019/DS-ST**

Ngày: 24 - 10 - 2019

*“Tranh chấp liên quan đến yêu cầu
tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Căn và bà Đỗ Thị Hân

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Hà là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Dân, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 08 năm 2019; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01 ngày 23/8/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 19 ngày 24/9/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1936; nơi cư trú: Số 80, phố H, khu 2, phường H, thành phố M, tỉnh Q;

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Đặng Hồng Ph, sinh năm 1974; nơi cư trú: khu 4, phường H1, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (Theo văn bản ủy quyền, công chứng số 1733/2018/quyền số 18/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/6/2018); vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1964; nơi cư trú: số 19, tổ 21, phường H, thành phố M, tỉnh Q; có mặt tại phiên tòa.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Văn phòng công chứng K; địa chỉ trụ sở: Km 3,5 - khu 7, phường H2, thành phố M, tỉnh Q.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Huy H; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Bích Ng (tên gọi khác: Nguyễn Thị Ng), sinh năm 1955;

nơi cư trú: tổ 2, khu 2, phường Tr1, thành phố M, tỉnh Q; có mặt tại phiên tòa.

3. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ 21, khu Thọ Xuân, phường H, thành phố M, tỉnh Q;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Bích Ng (tên gọi khác: Nguyễn Thị Ng) (Theo Văn bản ủy quyền, công chứng số 963/2019/HĐUQ, quyền số 10/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/3/2019).

4. Bà Nguyễn Thị Bích Ph, sinh năm 1970; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 80, phố H, khu 2, phường H, thành phố M, tỉnh Q; chỗ ở:

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Bích Ng (tên gọi khác: Nguyễn Thị Ng) (Theo văn bản ủy quyền công chứng số 2098/2018/HĐUQ, quyền số 21/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/6/2018).

5. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 80, phố H, khu 2, phường H, thành phố M, tỉnh Q; chỗ ở: thôn 9, xã H, thành phố M, tỉnh Q; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1994; nơi cư trú: khu Nam Thọ, phường Tr2, thành phố M, tỉnh Q; vắng mặt tại phiên tòa.

7. Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: tổ 9, khu 3 (nay là khu 2), phường K, thành phố M, tỉnh Q; vắng mặt tại phiên tòa.

8. Anh Nguyễn Đức L, sinh ngày 09/4/2001; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 9, khu 3 (nay là khu 2), phường K, thành phố M, tỉnh Q; chỗ ở: Số 80, phố H, khu 2, phường H, thành phố M, tỉnh Q; vắng mặt tại phiên tòa.

9. Bà Lê Thị H, sinh năm 1980; nơi cư trú: tổ 1, khu Nam Sơn 2, phường C, thành phố C, tỉnh Q; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

10. Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 2006; nơi cư trú: tổ 1, khu Nam Sơn 2, phường C, thành phố C, tỉnh Q; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Đức Hiếu: Bà Lê Thị H.

11. Anh Hoàng Tiến H, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 52, đường Nguyễn Văn C, khu 3, phường K, thành phố M, tỉnh Q; chỗ ở: số 26, đường Trần Bình Tr, khu 8, phường H1, thành phố M, tỉnh Q; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Cụ bà Nguyễn Thị Ch và cụ ông Nguyễn Như K (sinh năm 1922) chung sống với nhau từ năm 1954 và có với nhau 06 người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị Bích Ng (tên gọi khác: Nguyễn Thị Ng), ông Nguyễn Sơn H, bà Nguyễn Thị Th, bà

Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Kh và bà Nguyễn Thị Bích Ph. Ngoài ra, ông bà không còn có người con chung, con riêng, con nhận nào khác. Ông K chết năm 2010 không để lại di chúc.

Ông Nguyễn Sơn H lập gia đình với bà Vi Thị L (sinh năm: 1963, ĐKHKT: thôn Th, xã Đ, huyện Ch, tỉnh L và có với nhau 01 con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 1991. Ông H và bà L ly hôn năm 1991. Đến năm 1993, ông H lập gia đình với bà Bùi Thị B (sinh năm: 1968, ĐKHKT: Th, Th, H) nhưng không có đăng ký kết hôn và có với nhau 01 con chung là Nguyễn Minh H, sinh năm 1994. Ông H chết năm 2008.

Ông Nguyễn Kh, sinh năm 1966 (là anh em sinh đôi với Nguyễn Thị Th). Năm 1993, lập gia đình với bà Vũ Thị M (sinh năm: 1974) và có với nhau 02 con chung là: Nguyễn Đức T, sinh năm 1995 và Nguyễn Đức L, sinh năm 2001. Ông Kh và bà M ly hôn năm 2002. Đến năm 2006, ông Kh đăng ký kết hôn với bà Lê Thị H và có với nhau 01 con chung là Nguyễn Đức H, sinh năm 2006. Ông Kh chết năm 2012.

Quá trình chung sống, bà Ch và ông K có khối tài sản chung như sau:

- Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng thửa đất ô số 26, lô 04, diện tích: 81m²; địa chỉ: KTX H, phường H, M, Q (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM410269, số vào sổ: 2566/QSDĐ, tên người sử dụng đất: hộ ông Nguyễn Như K do UBND thị xã M cấp ngày 12/3/2002) và tài sản gắn liền trên đất là ngôi nhà 02 tầng, diện tích 81m².

- Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng thửa đất ô số 32, lô 01; diện tích 90m²; địa chỉ: khu 8, H1, M, Q (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T677638; số vào sổ H03521, tên người sử dụng đất: ông Nguyễn Như K và bà Nguyễn Thị Ch do UBND M cấp ngày 09/7/2008) và tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 67,5m².

Ngày 22/5/2014, cụ bà Nguyễn Thị Ch cùng các con là: bà Nguyễn Thị Bích Ng (tên gọi khác: Nguyễn Thị Ng), bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Bích Ph đến Văn phòng công chứng K ký kết “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế” (công chứng số 626/2014/VBTT, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD). Tuy nhiên, khi lập Văn bản trên, bà Ch cùng các con không cung cấp thông tin liên quan đến quan hệ gia đình, quan hệ huyết thống của ông Nguyễn Sơn H và ông Nguyễn Kh do thiếu hiểu biết pháp luật. Vì vậy, việc ký kết văn bản của bà Ch cùng các con như nêu trên không đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác theo qui định của pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện: bà Ch đề nghị Tòa án tuyên bố vô hiệu Văn bản công chứng số 626/2014/VBTT quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2014 của Văn phòng Công chứng K. Về giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự, bà Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:*

Quá trình giải quyết vụ án, bà Thờ có lời khai về mối quan hệ gia đình, về quan hệ huyết thống và về việc ký kết văn bản công chứng như nội dung lời khai

của bà Ch nêu trên, nhưng không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Ch.

Tại phiên tòa, bà Thời giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

**Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Bà Nguyễn Thị Bích Ng (Nguyễn Thị Bích Ng), bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Bích Ph đều có lời khai về mối quan hệ gia đình, quan hệ huyết thống và về việc ký kết Văn bản công chứng như nội dung lời khai của bà Ch nêu trên. Họ đều nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Ch như nêu trên.

- Anh Nguyễn Đức L trình bày: anh L và anh Nguyễn Đức T là con đẻ của ông Nguyễn Kh và bà Vũ Thị M. anh L không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Ch nêu trên, đề nghị Tòa án giải quyết giữ nguyên Văn bản công chứng số 626/2014/VBTT, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2014.

- Bà Lê Thị H trình bày: về mối quan hệ gia đình, quan hệ huyết thống như lời khai của bà Ch và các đương sự khác nêu trên. Ngoài ra, bà H khai: bà H chung sống và kết hôn với ông Nguyễn Kh năm 2006 và có với nhau 01 con chung là Nguyễn Đức H, sinh ngày 29/12/2006. Bà H hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Ch nêu trên.

- Anh Nguyễn Đức H trình bày: anh H là con ruột của ông Kh và bà H. Mọi quyết định của bà H (người đại diện theo pháp luật của anh Hiếu) là quyết định của anh Hiếu.

- Anh Nguyễn Minh H trình bày: về mối quan hệ gia đình, quan hệ huyết thống như lời khai của bà Ch và các đương sự khác nêu trên. Ngoài ra, anh H khai: Anh H là con đẻ của ông Nguyễn Sơn H và bà Bùi Thị B. Anh H hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Ch nêu trên.

- Chị Nguyễn Thị H trình bày: về mối quan hệ gia đình, quan hệ huyết thống như lời khai của bà Ch và các đương sự khác nêu trên. Ngoài ra, chị H khai: chị H là con đẻ của ông Nguyễn Sơn H và bà Vi Thị L, chị H nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Ch như nêu trên.

- Đại diện Văn phòng công chứng K trình bày:

Ngày 28/4/2014, Văn phòng công chứng K có nhận được yêu cầu công chứng của cụ bà Nguyễn Thị Ch cùng bà Nguyễn Thị Bích Ng (Nguyễn Bích Ngọc), bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Th và bà Nguyễn Thị Bích Ph về việc phân chia di sản thừa kế của cụ ông Nguyễn Như K để lại trong khối tài sản chung của hộ gia đình gồm 02 thửa đất và các tài sản gắn liền trên đất, có đặc điểm như nội dung lời khai của nguyên đơn nêu trên.

Sau khi kiểm tra hồ sơ, Văn phòng công chứng K đã giải thích các quy định của pháp luật về thừa kế và yêu cầu những người đến yêu cầu công chứng kê khai đầy đủ, chi tiết và cam đoan đã kê khai đầy đủ những người thuộc diện, thuộc hàng thừa kế. Sau khi thấy hồ sơ yêu cầu công chứng đã đầy đủ và hợp lệ theo đúng quy định tại Điều 49 Luật Công chứng năm 2006, Văn phòng công chứng K đã nhận hồ sơ và thụ lý vụ việc nêu trên.

Tiếp đó, Văn phòng công chứng K đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai tại trụ sở UBND phường H và tại trụ sở UBND phường H1, thành phố M theo đúng qui định tại Điều 19 Nghị định số 04/2013/NĐ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ. Hết thời hạn niêm yết công khai (15 ngày kể từ ngày 29/4/2014 đến ngày 19/5/2014), Văn phòng Công chứng K, UBND phường H và UBND phường H2 không nhận được bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến di sản thừa kế nêu trên. UBND phường H và UBND phường H1, thành phố M đã xác nhận kết thúc niêm yết theo đúng quy định của pháp luật vào ngày 19/5/2014.

Sau khi có kết quả xác nhận kết thúc niêm yết, Văn phòng công chứng K đã tiến hành thủ tục công chứng theo yêu cầu công chứng cụ bà Nguyễn Thị Ch cùng các con bà Ch có tên như nêu trên.

Nay Văn phòng công chứng K thấy rằng, việc những người yêu cầu công chứng cố ý không kê khai đầy đủ thông tin liên quan đến thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là thuộc về lỗi của họ. Văn phòng công chứng K đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

- Anh Hoàng Tiến H trình bày: anh Hạnh là con đẻ của bà Nguyễn Thị Bích Ph. Từ năm 2013 đến nay anh được bà Ph giao quản lý, sử dụng diện tích đất 90m² và tài sản gắn liền trên đất ở tại số 26, phố Trần Bình Trọng, khu 8, phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái. Anh Hạnh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Ch nêu trên.

- Về việc lấy lời khai của Nguyễn Đức T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không lấy được lời khai vì anh Tùng vắng mặt tại nơi cư trú. Trên cơ sở đơn yêu cầu của bà Vũ Thị M (mẹ đẻ anh Tùng), Tòa án đã thụ lý việc dân sự “V/v: thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú” và đã ra Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2019/QĐST- TBTKNVM ngày 31/01/2019 theo qui định của pháp luật.

* Các tài liệu do đương sự cung cấp:

- Các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện do bà Ch giao nộp gồm:

+ Văn bản công chứng số 626/2014/VBTT, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2014 của Văn phòng công chứng K, với nội dung: cụ bà Nguyễn Thị Ch cùng các con là: Nguyễn Thị Bích Ng (Nguyễn Thị Ng), Nguyễn Thị Thời, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Bích Ph ký kết “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế” định đoạt di sản thừa kế (là một phần trong khối tài sản chung thể hiện tại văn bản công chứng trên) của cụ ông Nguyễn Như K để lại. Theo đó, các chủ thể ký kết cùng thống nhất nhường quyền hưởng di sản thừa kế cho cụ bà Nguyễn Thị Ch và bà Nguyễn Thị Bích Ph. Cụ thể: cụ bà Nguyễn Thị Ch được hưởng “tài sản thứ nhất” và bà Ph được hưởng “tài sản thứ hai” như lời khai của nguyên đơn nêu trên.

+ Đơn xin xác nhận của bà Nguyễn Thị Bích Ph đề ngày 28/4/2014 thể hiện: ông Nguyễn Văn Liệu, sinh năm 1900 (chết năm 1940) và bà Nguyễn Thị Mót, sinh năm 1901 (chết năm 1986) là bố mẹ đẻ của ông Nguyễn Như K (chết năm 2010), có xác nhận của UBND phường Tr2.

+ “Đơn xin xác nhận” của bà Nguyễn Thị Ch đề ngày 15/5/2018 thể hiện: bà

Ch có chồng là ông Nguyễn Như K, sinh năm 1922, chết ngày 17/01/2010 (theo giấy chứng tử số 04, quyền số 01 do UBND phường H cấp ngày 01/02/2010). Ông K và bà Ch có con đẻ là ông Nguyễn Kh, sinh năm 1966, chết 11/8/2012 (theo giấy chứng tử số 17, quyền số 01/2012, do UBND phường H cấp ngày 11/8/2012), có xác nhận của UBND phường H, thành phố M.

+ Giấy chứng tử số 04, quyền số 01 ngày 01/02/2010 của UBND phường H thể hiện: ông Nguyễn Như K chết vào ngày 17/01/2010.

+ Giấy chứng tử số 17, quyền số 01.2012 của UBND phường H thể hiện: ông Nguyễn Kh, sinh ngày 25/6/1996, chết ngày 11/8/2012.

+ Trích lục khai tử số 10 ngày 12/6/2018 của UBND phường K, thể hiện: ông Nguyễn Sơn H chết vào ngày 11/10/2008.

+ Giấy khai sinh số 16, quyền số 01 ngày 02/02/1996 của UBND thị trấn M, huyện H (nay là thành phố M), tỉnh Q thể hiện: anh Nguyễn Đức T sinh ngày 09/9/1995, có cha mẹ đẻ là: bà Vũ Thị M và ông Nguyễn Kh.

+ Giấy khai sinh số 66, quyền số 01, ngày 14/5/2001 của UBND phường H, thành phố M, tỉnh Q thể hiện: anh Nguyễn Đức L sinh ngày 09/4/2001, có cha mẹ đẻ là: bà Vũ Thị M và ông Nguyễn Kh.

+ Giấy khai sinh của bà Nguyễn Thị Bích Ng, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Bích Ph và bà Nguyễn Thị Th đều thể hiện: họ có cha mẹ đẻ là: Bà Nguyễn Thị Ch và ông Nguyễn Như K.

Ngoài ra, còn có tài liệu khác kèm theo đơn khởi kiện gồm: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình của các đương sự trong vụ án.

- Bà Nguyễn Thị Bích Ng giao nộp các tài liệu:

+ Bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyền số 01 của UBND phường C, thị xã C, tỉnh Q thể hiện: họ tên vợ, chồng: Nguyễn Khang và Lê Thị H.

+ Bản sao Giấy khai sinh số 76, quyền số 01 của UBND phường C, thị xã C, tỉnh Q thể hiện: anh Nguyễn Đức H, có cha mẹ đẻ là: ông Nguyễn Kh và bà Lê Thị H

+ Bản sao sổ hộ khẩu gia đình cấp ngày 26/4/2010, chủ hộ: Lê Thị H

* Các tài liệu do Tòa án thu thập:

- Biên bản xác minh, ngày 24/7/2019 thể hiện: ông Nguyễn Như K và bà Nguyễn Thị Ch có 06 người con chung như lời khai của nguyên đơn nêu trên.

- Biên bản xác minh, ngày 08/7/2019 thể hiện: anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1995, đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 9, khu 3 (nay là khu 2) phường K, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh là con của bà Vũ Thị M (Chủ hộ).

- Công văn số 36 ngày 01/10/2018 của Công an phường K, thành phố Móng Cái thể hiện: Qua kiểm tra nhân khẩu tại địa chỉ tổ 9, khu 3 (nay là khu 2), phường K, thành phố M được biết: anh Nguyễn Đức T có mẹ đẻ là bà Vũ Thị M, sinh năm 1974, đã mua nhà số 50, Mạc Đĩnh Chi, khu 3, phường K. Hiện bà M đã bán nhà và lên phường H sinh sống.

- Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2019/QĐST- TBTKNVM ngày 31/01/2019 thể hiện: Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Vũ Thị M và ra Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh Nguyễn Đức T.

- Biên bản xác minh, ngày 25/7/2019 và Biên bản xác minh, ngày 26/7/2019 thể hiện: đối chiếu với bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 3566/2013/QĐ - UBND ngày 26/12/2013 của UBND tỉnh Q qui định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Q năm 2014 thì giá đất đối với thửa đất diện tích 81m² tại phường H nêu trên là 4.200.000đ/m², giá đất đối với thửa đất diện tích 90m² tại phường H1 nêu trên là 3.000.000đ/m².

- Hồ sơ công chứng (Văn bản công chứng số 626/2014/VBTT, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2014 của Văn phòng công chứng K).

- Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong đó có:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T677638 số vào sổ: 2566 do UBND thị xã (nay là thành phố) M cấp ngày 17/3/2002; diện tích đất 81m², ô 26, lô 4; địa chỉ thửa đất: KTX H, M, Q; người sử dụng đất: hộ ông Nguyễn Như K.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM370, số vào sổ: CH00395 do UBND thị xã M cấp ngày 08/7/2014; diện tích đất 81m², ô 26, lô 4; địa chỉ thửa đất: KTX H, M, Q; người sử dụng đất: bà Nguyễn Thị Ch (Trên cơ sở Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, số công chứng 626/2014/VBTT, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2014 của Văn phòng công chứng K).

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 089665, số vào sổ: CH00651 do UBND thành phố Móng Cái cấp ngày 04/8/2017, diện tích đất 81m², ô 26, lô 4; địa chỉ thửa đất: KTX H, M, Q; người sử dụng đất: Nguyễn Đức L (Trên cơ sở Văn bản Hợp đồng tặng cho tài sản, số công chứng 1569/2017/HĐCT, quyền số 16/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/7/2017 của Văn phòng công chứng K).

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM410269, số vào sổ: 03521 do UBND thị xã Móng Cái cấp ngày 09/7/2008; diện tích đất 90m², ô 32, lô 1; địa chỉ thửa đất: khu 8, H1, M, Q; người sử dụng đất: ông Nguyễn Như K và bà Nguyễn Thị Ch.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU353963, số vào sổ: CH0 1862 do UBND thành phố Móng Cái cấp ngày 04/7/2014; diện tích đất 90m², ô 32, lô 1; địa chỉ thửa đất: khu 8, H1, M, Q; người sử dụng đất: bà Nguyễn Thị Bích Ph (Trên cơ sở Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, số công chứng 626/2014/VBTT, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2014 của Văn phòng công chứng K).

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu quan điểm như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật;

+ Đối với các đương sự: nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đại diện Văn phòng công chứng K, bà Nguyễn Thị Bích Ph, bà Lê Thị H, anh Nguyễn Đức H, chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Tiến H đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Đức T vắng mặt tại nơi cư trú nên không thực hiện được quyền và nghĩa vụ của đương sự theo qui định của pháp luật; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Minh H, anh Nguyễn Đức L không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo qui định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: Khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều: 122, 127, 674, điểm a khoản 1 Điều 675, điểm a khoản 1 Điều 676 và Điều 677 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005, chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch về việc “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

Về giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự, các đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

Buộc bị đơn phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và căn cứ vào kết quả tranh tụng, hỏi tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của cụ bà Nguyễn Thị Ch về việc “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”, là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền.

- Về các tài liệu làm căn cứ giải quyết vụ án: Trên cơ sở đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2018 của bà Nguyễn Thị Ch, Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án số 15 ngày 26/6/2018. Tuy nhiên, do bà Vũ Thị M cung cấp địa chỉ của anh Nguyễn Đức T (người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án) có nơi cư trú tại: số nhà 5 Cooper Street Canning Town London e16 1qu Vương Quốc Anh, nên Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái đã xóa sổ thụ lý và ra Quyết định chuyển vụ án (số 02 ngày 29/11/2018) về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh để giải quyết theo thẩm quyền. Trên cơ sở quyết định chuyển vụ án số 115 ngày 14/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân thành

phố Móng Cái tiếp tục tiến hành thụ lý vụ án theo qui định của pháp luật (Thông báo thụ lý vụ án số 25 ngày 21/12/2018). Như vậy, tuy Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái đã tiến hành ra thông báo thụ lý vụ án nhiều lần (do diễn biến tố tụng), nhưng về mặt bản chất nội dung vụ án không khác nhau. Do đó, toàn bộ tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, do Tòa án thu thập kể từ thời điểm Tòa án nhận được đơn khởi kiện của nguyên đơn đến nay đều được sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét Văn bản công chứng nêu trên các bên ký kết và thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nhưng đến nay có tranh chấp. Do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, áp dụng qui định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

- Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

+ Đối với anh Nguyễn Đức T: Căn cứ vào nội dung Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2019/QĐST- TBTKNVM ngày 31/01/2019 nêu trên, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức T là đảm bảo theo đúng qui định của pháp luật.

+ Đối với bà Nguyễn Thị Bích Ph:

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án theo Thông báo thụ lý vụ án số 25, bà Ph vắng mặt tại nơi cư trú. Tuy nhiên, theo Thông báo thụ lý vụ án số 15/TB-TLVA ngày 26/6/2018, bà Ph đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo đúng qui định của pháp luật và ủy quyền cho bà Ngọc tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền, công chứng số 2098/2018/HĐUQ, quyền số 21/TP/CC-SCC/HĐGD). Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái ra quyết định chuyển vụ án và ra thông báo thụ lý vụ án số 25 như nêu trên sau thời điểm bà Ph ủy quyền cho bà Ngọc. Như vậy, bà Ph không biết và không buộc phải biết về sự thay đổi diễn biến tố tụng như trên. Do đó, việc bà Ph vắng mặt không thuộc trường hợp vi phạm quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tại biên bản làm việc ngày 29/3/2019 và tại phiên tòa, bà Ngọc vẫn nhất trí thực hiện quyền và nghĩa vụ của người được ủy quyền thay mặt bà Ph tham gia tố tụng kể từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc vụ án. Mặt khác, Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái tuy tiến hành thụ lý vụ án nhiều lần nhưng về mặt bản chất nội dung vụ án không khác nhau. Do vậy, quyền và nghĩa vụ của bà Ph đã thực hiện theo Thông báo thụ lý vụ án số 15 được bảo đảm và duy trì trong giải quyết vụ án theo Thông báo thụ lý vụ án số 25 nêu trên. Vì vậy, việc Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà Ph là đảm bảo đúng qui định của pháp luật và không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Ph trong vụ án.

+ Đối với người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan: Đại diện Văn phòng công chứng K ông Nguyễn Huy H, bà Lê Thị H, anh Nguyễn Đức H, chị Nguyễn Thị H, anh Hoàng Tiến H đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Minh H, anh Nguyễn Đức L đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ đảm bảo theo đúng quy

định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

* Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập nêu trên, có đủ cơ sở xác định lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch về quan hệ gia đình, quan hệ huyết thống và về việc các chủ thể ký kết Văn bản công chứng số 626/2014/VBTT với nội dung như nêu trên đảm bảo tính khách quan.

Như vậy, ông Nguyễn Như K chết không để lại di chúc thuộc trường hợp thừa kế theo pháp luật qui định tại Điều 674 và điểm a khoản 1 Điều 675 của Bộ luật Dân sự. Di sản thừa kế do ông K để lại là một phần trong khối tài sản thể hiện tại Văn bản công chứng nêu trên. Tại thời điểm ông K chết (thời điểm mở thừa kế) thì những người thuộc hàng và thuộc diện thừa kế của ông K theo qui định tại điểm a, b Điều 676 và Điều 677 của Bộ luật Dân sự gồm: Vợ ông K: bà Nguyễn Thị Ch; các con ông K gồm: bà Nguyễn Thị Bích Ng (Nguyễn Thị Ng), bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Bích Ph và ông Nguyễn Kh; thừa kế thế vị: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Minh H. Năm 2012, ông Kh chết (thời điểm mở thừa kế), thì những người thuộc hàng và thuộc diện thừa kế của ông Kh gồm: các con ông Kh: anh Nguyễn Đức T, anh Nguyễn Đức L và anh Nguyễn Đức H; vợ ông Kh: bà Lê Thị H. Những người này có quyền hưởng kỷ phần thừa kế (do ông K để lại) mà ông Kh được hưởng khi còn sống.

Tuy nhiên, nội dung Văn bản công chứng số 626 (về việc định đoạt di sản thừa kế do ông K để lại) nêu trên chỉ có chữ ký của cụ bà Nguyễn Thị Ch cùng 04 người con, mà không có bất kỳ sự tham gia ký kết, thể hiện ý chí của các đồng thừa kế nào khác. Do đó, nội dung Văn bản công chứng nêu trên không đảm bảo theo đúng qui định tại điểm a, Điều 675; điểm a, b Điều 676 và Điều 677 của Bộ luật Dân sự, nên đã vi phạm điều cấm của Luật.

Tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 qui định:

“1. Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây: ...

c) Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

2. Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có qui định”.

Đối chiếu với qui định trên thấy rằng về mặt ý chí tuy các chủ thể ký kết Văn bản công chứng trên hoàn toàn tự nguyện, hình thức Văn bản công chứng đảm bảo đúng theo qui định của pháp luật, nhưng nội dung của Văn bản này không đảm bảo điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

Mặt khác, căn cứ nội dung các Biên bản xác minh: ngày 26/7/2019 và ngày 25/7/2019 nêu trên thì phần tài sản bà Ch được hưởng có giá trị lớn hơn $\frac{1}{2}$ tổng giá trị khối tài sản nêu trong nội dung Văn bản công chứng. Tuy nhiên, không có cơ sở nào xác định phần tài sản bà Ch được hưởng là phần mà cá nhân bà Ch có quyền định đoạt theo qui định của pháp luật. Bởi lẽ, nội dung Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số T6676638 (diện tích đất 81m²) nêu trên ghi tên người sử dụng đất: “hộ ông Nguyễn Như K”, nhưng không có tài liệu nào xác định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất “Hộ ông Nguyễn Như K” gồm những ai, ai trong hộ là “người sử dụng đất”. Vì vậy, không có cơ sở xác định phần tài sản của bà Ch trong khối tài sản chung vợ chồng và phần tài sản mà bà Ch được thừa kế của ông K theo qui định của pháp luật là bao nhiêu.

Từ đánh giá trên, cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn đề nghị tuyên bố vô hiệu Văn bản công chứng số 626/2014/VBTT, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2014 của Văn phòng công chứng K.

- Về giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu, Hội đồng xét xử thấy:

Tại Điều 137 của Bộ luật Dân sự năm 2005 qui định:

“1. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập.

2. Khi giao dịch dân sự bị vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; ...Bên nào có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường”.

Tuy nhiên, căn cứ vào các hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thấy rằng trên cơ sở Văn bản công chứng trên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Cụ bà Nguyễn Thị Ch và bà Nguyễn Thị Bích Ph. Tiếp đó, bà Ch đã tặng cho thửa đất bà Ch được hưởng cho anh Nguyễn Đức L, sau đó anh L đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, việc giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu như trên không chỉ dựa vào ý chí của các đồng thừa kế mà còn phụ thuộc vào quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến khối tài sản trên. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu, về thừa kế tài sản và các yêu cầu khác có liên quan đến khối tài sản nêu trên. Do vậy, việc giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Các đương sự là các đồng thừa kế như nêu trên có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác đối với khối tài sản thể hiện tại Văn bản công chứng nêu trên; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Tiến H có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác đối với tài sản anh Hạnh được bà Ph giao quản lý, sử dụng thể hiện trong nội dung Văn bản công chứng nêu trên.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Đây là vụ án dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, nên cần buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật.

Căn cứ: Khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều: Điều 122, 127, 128, 674, điểm a khoản 1 Điều 675, điểm a, b khoản 1 Điều 676 và Điều 677 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Tuyên xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch về việc “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng vô hiệu”.

Tuyên bố vô hiệu giao dịch dân sự thể hiện tại Văn bản công chứng số 626/2014/VBTT, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2014 của Văn phòng công chứng K.

Các đương sự là các đồng thừa kế như nêu trên có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác đối với khối tài sản thể hiện tại Văn bản công chứng nêu trên; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Tiến H có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác đối với tài sản anh H được bà Ph giao quản lý, sử dụng thể hiện trong nội dung văn bản công chứng nêu trên.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Nguyễn Thị Ch số tiền tạm ứng án phí: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà Ch đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0001281 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Móng Cái;
- Các đương sự;
- Thi hành án;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Trần Thị Hồng